

Bản án số: 19/2022/HS-ST
Ngày: 27/12/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N CHÂU, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trường Vũ;
2. Bà Nguyễn Thị Kiều Trang.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Cheo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã N Châu xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 66/2022/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2022/QĐXXST-HS ngày 13/12/2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 06/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Đạo Phật giáo Hòa Hảo; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965 (chết); Anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là người lớn nhất; sinh sống như vợ chồng với : AY S, sinh năm 1994; Con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2021, nhỏ sinh năm 2022.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 14/9/2022, bị Công an thị xã T xử phạt vi phạm hành chính 9.500.000 đồng về hành vi: “Cố ý làm hư hỏng tài sản” (3.000.000 đồng) và “Cố ý gây thương tích” (6.500.000 đồng).

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thị xã T từ ngày 20/10/2022 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Trịnh Văn C, sinh năm 1966; nơi cư trú: ấp T, xã P, thị xã T,

tỉnh An Giang (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1951; nơi cư trú: ấp T, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang. (có mặt)

- Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1974; nơi cư trú: ấp T, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp Vĩnh Lợi 2, xã Châu Phong, thị xã N Châu, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng giữa tháng 9/2022, Nguyễn Văn T thấy nhà của Trịnh Văn C thuộc tổ ấp T, xã P, thị xã T (cặp vách nhà của T) không người ở trông giữ nên đã nhiều lần đột nhập, lấy trộm tài sản mang đến bán cho Nguyễn Minh N, lấy tiền tiêu xài, mua ma túy sử dụng, cụ thể:

Lần 1: Khoảng 05 giờ không xác định ngày giữa tháng 9 năm 2022, T đột nhập vào nhà ông C, lấy trộm 02 cái Motor điện (01 cái loại bơm chìm; 01 cái nhãn hiệu SANYO) rồi đem về nhà cất giấu. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, T để 02 cái motor vừa trộm được vào bao da rắn rồi thuê xe ôm của ông Huỳnh Văn L chở đến điểm thu mua phế liệu của N bán được số tiền 300.000 đồng, T trả tiền thuê xe cho ông L 20.000 đồng.

Lần 2: Khoảng hai ngày sau khi lấy trộm lần 1, T tiếp tục đột nhập vào nhà ông C lấy trộm 01 cuộn dây điện dài 67 mét, có vỏ bọc bằng nhựa màu xanh; 02 cái motor điện (01 cái có gắn trục buly để gắn dây Curoa; 01 cái có thân máy bằng sắt, vỏ sơn màu xám) rồi đem về nhà cất giấu. Sau đó, T thuê xe ôm của Lai chở đến bán cho N được số tiền 320.000 đồng, trả tiền thuê xe cho ông L 20.000 đồng.

Lần 3: khoảng hai ngày sau khi lấy trộm lần 2, T tiếp tục đột nhập vào nhà của ông C lấy trộm 01 cái motor điện có gắn 02 nắp bảo vệ màu xanh rồi đem về nhà cất giấu. Sau đó, T để cái motor vào bao da rắn, thuê xe của ông L chở đến bán cho N được số tiền 250.000 đồng, trả tiền thuê xe cho ông L 20.000 đồng.

Ngày 26/9/2022, ông C phát hiện bị mất trộm tài sản, đến Công an xã C trình báo vụ việc. Ngày 20/10/2022, T đến Công an xã C đầu thú, bị khởi tố, bắt tạm giam.

Ngày 20/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T, đã khởi tố, Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản”.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

- 01 motor điện hình trụ, kích thước 36cm x 40cm, đã qua sử dụng.
- 01 motor điện nhãn hiệu SANYO, PH136AV số seri 0003389 bằng kim loại, đã qua sử dụng.
- 01 motor điện, vỏ bên ngoài màu xanh, trên thân máy có chữ PANANONIC 200, đã qua sử dụng.
- 01 motor điện, vỏ bên ngoài bằng kim loại, không xác định chủng loại, kích thước 23cm x 57cm, đã qua sử dụng.
- 01 motor điện, có vỏ ngoài màu xám, có đoạn dây điện, vỏ bên ngoài màu xám dài 5,15m, đã qua sử dụng.
- 01 cuộn dây điện, vỏ bằng nhựa màu xanh, bên trong có lõi bằng kim loại, dài khoảng 67 mét, đã qua sử dụng.

Tài sản thu giữ đã được trao trả bị hại.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 359/KL-HĐĐG.TTHS ngày 20/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã N Châu, kết luận:

- 01 bao dây điện, vỏ màu xanh, bên trong có 07 sợi kim loại màu nâu, trên vỏ dây điện có ký hiệu CADIVI-VIDICO-PV11-750V, chiều dài khoảng 67 mét, đã qua sử dụng. Trị giá 1.240.000 đồng.
- 01 motor động cơ điện, loại bơm chìm, công suất 1,5HP, máy đã qua sử dụng, tình trạng còn hoạt động. Trị giá: 1.500.000 đồng.
- 01 motor động cơ điện, có gắn 02 nắp bảo vệ màu sơn xanh, công suất 1,5HP, máy đã qua sử dụng, tình trạng còn hoạt động. Trị giá 1.200.000 đồng.
- 01 motor động cơ điện, có gắn trực bulý để gắn dây Curoa, công suất 1,5HP, máy đã qua sử dụng, tình trạng còn hoạt động. Trị giá 1.200.000 đồng.
- 01 motor động cơ điện, loại bơm nén áp suất, công suất 1,5HP, nhãn hiệu SANYO, máy đã qua sử dụng, tình trạng còn hoạt động. Trị giá 1.600.000 đồng.
- 01 motor động cơ điện, có vỏ sơn màu xám, công suất 1,5HP, máy đã qua sử dụng, tình trạng còn hoạt động. Trị giá 2.000.000 đồng.

Tổng giá trị: 8.740.000 đồng.

Cáo trạng số 68/CT-VKSTC- HS ngày 30 tháng 11 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thị xã N Châu đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N Châu giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và đề nghị:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án tù 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát không đề nghị gì thêm.

Bị hại ông Trịnh Văn C, người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn L, ông Nguyễn Minh N và người làm chứng trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu.

Hội đồng xét xử công bố kết luận định giá trong tố tụng hình sự số 359/KL-HĐĐG.TTHS ngày 20/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản; Lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt. Bị cáo không có ý kiến.

Trong phần tranh luận, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đồng ý theo quyết định truy tố và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến khác.

Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của ông Trịnh Văn C theo nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Bị cáo nói lời sau cùng, xin được giảm nhẹ hình phạt, xin lỗi bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị cáo Nguyễn Văn T bị Cơ quan điều tra - Công an thị xã T khởi tố về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” xảy ra tại ấp T, xã P, thị xã T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N Châu, tỉnh An Giang.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã N Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[3] Sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh N và người làm chứng ông Nguyễn Văn E đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử.

Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

- Về nội dung:

[1] Hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và có đủ cơ sở xác định:

Nguyễn Văn T đã có hành vi nhiều lần trộm cắp tài sản của ông Trịnh Văn C, cụ thể :

Lần 1: 02 cái Motor điện (01 cái loại bơm chìm; 01 cái nhãn hiệu SANYO), trị giá: 3.100.000 đồng.

Lần 2: 01 cuộn dây điện (dài 67 mét, có vỏ bọc bằng nhựa màu xanh), 02 cái motor điện (01 cái có gắn trực bulý để gắn dây Curoa; 01 cái có thân máy bằng sắt, vỏ sơn màu xám), trị giá: 4.440.000 đồng.

Lần 3: 01 cái motor điện có gắn 02 nắp bảo vệ màu xanh, trị giá: 1.200.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản : 8.740.000 đồng.

Bị cáo T có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Như vậy, hành vi của bị cáo T có đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cáo trạng số 68/CT-VKS-HS ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã N Châu truy tố hành vi phạm tội của bị cáo T là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và không làm oan cho bị cáo. Quan điểm Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm 6 tháng đến 02 năm tù.

[2] Hình phạt:

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết được việc “Trộm cắp tài sản” của người khác là vi phạm pháp luật, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nhưng do bản tính tham lam, chạy lười lao động, xem thường pháp luật nên đã thúc đẩy bị cáo phạm tội, đây cũng là nguyên nhân và động cơ phạm tội của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của ông Trịnh Văn C một cách trái pháp luật, đồng thời còn làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo T để răn đe, giáo dục bị cáo và để phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không áp dụng đối với bị cáo.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có giá trị trên 2.000.000 đồng thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo,

nhận thức pháp luật có phần hạn chế là tình tiết giảm nhẹ theo quy định theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với: 01 motor điện hình trụ, kích thước 36cm x 40cm, đã qua sử dụng; 01 motor điện nhãn hiệu SANYO, PH136AV số seri 0003389 bằng kim loại, đã qua sử dụng; 01 motor điện, vỏ bên ngoài màu xanh, trên thân máy có chữ PANANONIC 200, đã qua sử dụng; 01 motor điện, vỏ bên ngoài bằng kim loại, không xác định chủng loại, kích thước 23cm x 57cm, đã qua sử dụng; 01 motor điện, có vỏ ngoài màu xám, có đoạn dây điện, vỏ bên ngoài màu xám dài 5,15m, đã qua sử dụng và 01 cuộn dây điện chiều dài 67 mét, có vỏ nhựa màu xanh, bên trong có lõi bằng kim loại Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại ông Trịnh Văn C. Ông C đã nhận lại tài sản nên không đề cập giải quyết. Riêng lời khai của ông Trịnh Văn C về việc bị mất 02 cối xay thuốc nam, 01 cánh nhôm và 01 băng ca bằng Inox. Xét thấy, tài sản không thu hồi được, ngoài lời khai của bị hại không còn chứng cứ khác nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, sẽ xử lý sau, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra đã chứng minh được bị cáo T lấy trộm tài sản của ông C trị giá 8.740.000 đồng. Ông C đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo có trách nhiệm bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội cũng như mức hình phạt đối với bị cáo về cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt: Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 20/10/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: *Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH*

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.*

Bị cáo Nguyễn Văn T, bị hại ông Trịnh Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Lai có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc tổng đạt hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TX N Châu;
- Công an TX.Tân Châu;
- Nhà Tạm giam (nếu có);
- Bộ phận THA Tòa án;
- UBND xã, phường (nếu có);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa (nếu có);
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thế Minh